

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Dũng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Văn Hiếu	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Huynh	Ủy viên	
Ông Lương Xuân Dũng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Việt Hòa	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Ngọc Tung	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Kiên Cường	Phó Giám đốc
Ông Lê Nguyễn Hùng	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Hồng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Số: 316 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ trang 03 đến trang 24. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 26 tháng 02 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác soát xét và phát hành báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính ngày 07 tháng 8 năm 2013 với kết luận chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0030-2013-001-01

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1961-2013-001-01

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		184.966.185.768	151.894.380.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	116.270.395.059	78.506.879.957
1. Tiền	111		27.231.079.899	8.316.008.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		89.039.315.160	70.190.871.378
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.919.515.444	28.220.965.103
1. Phải thu khách hàng	131		7.816.300.640	10.546.413.462
2. Trả trước cho người bán	132		1.129.454.780	850.598.305
3. Các khoản phải thu khác	135	5	21.447.497.057	18.297.690.369
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.473.737.033)	(1.473.737.033)
III. Hàng tồn kho	140		35.724.046.590	35.644.226.040
1. Hàng tồn kho	141	6	35.724.046.590	35.644.226.040
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.052.228.675	9.522.309.220
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.636.281.900	9.451.659.220
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		415.946.775	70.650.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		167.858.882.654	177.558.069.543
I. Tài sản cố định	220		147.378.646.442	157.049.330.309
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	143.590.984.380	153.182.189.351
- Nguyên giá	222		482.962.744.653	480.069.728.453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(339.371.760.273)	(326.887.539.102)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	3.457.876.608	3.537.355.504
- Nguyên giá	228		5.848.911.447	5.848.911.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.391.034.839)	(2.311.555.943)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		329.785.454	329.785.454
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.195.206.000	20.195.206.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	19.894.000.000	19.894.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		301.206.000	301.206.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		285.030.212	313.533.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		285.030.212	313.533.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		352.825.068.422	329.452.449.863

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=300+310)	300		140.167.695.988	109.541.620.493
I. Nợ ngắn hạn	310		129.701.454.640	99.075.379.145
1. Phải trả người bán	312		25.655.513.512	13.177.255.963
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	40.885.004.605	23.538.597.283
3. Phải trả người lao động	315		16.444.302.659	20.319.403.211
4. Chi phí phải trả	316	11	6.643.790.000	6.643.790.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	28.580.881.771	23.633.663.927
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.491.962.093	11.762.668.761
II. Nợ dài hạn	330		10.466.241.348	10.466.241.348
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	10.466.241.348	10.466.241.348
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		212.657.372.434	219.910.829.370
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	212.267.372.434	219.520.829.370
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		114.245.700.000	114.245.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.078.650.000	4.078.650.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		70.667.357.207	60.517.079.809
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.910.284.014	7.213.214.865
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.365.381.213	33.466.184.696
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.000.000	390.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		390.000.000	390.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		352.825.068.422	329.452.449.863
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Đơn vị tính	30/6/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý		VND	1.195.310.556	1.195.310.556
2. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ		USD	436,61	443,10
- Euro		EUR	228,98	242,52

Minh
Trần Ngọc Minh
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Phùng
Phùng Sỹ Hữu
Kế toán trưởng



Dũng
Vũ Xuân Dũng
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		311.570.492.303	294.346.894.601
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		110.198.090.522	105.967.589.564
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	201.372.401.781	188.379.305.037
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	158.130.153.417	148.937.653.786
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.242.248.364	39.441.651.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.989.110.975	1.565.574.312
7. Chi phí tài chính	22		-	281.208.536
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	281.208.536
8. Chi phí bán hàng	24		17.379.081.439	13.658.328.895
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.581.737.050	9.064.972.292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		18.270.540.850	18.002.715.840
11. Thu nhập khác	31		202.119.782	134.664.675
12. Chi phí khác	32		65.500.000	7.184.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		136.619.782	127.480.675
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.407.160.632	18.130.196.515
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	4.041.779.419	4.502.283.379
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.365.381.213	13.627.913.136
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.257	1.193

Trần Ngọc Minh
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Phùng Sỹ Hữu
Kế toán trưởngVũ Xuân Dũng
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.407.160.631	18.130.196.515
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.661.158.569	14.009.254.387
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.989.110.975)	(1.565.574.312)
- Chi phí lãi vay	06	-	281.208.536
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.079.208.225	30.855.085.126
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(11.902.433.898)	(5.506.727.583)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(79.820.550)	2.368.421.763
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.835.360.959	44.218.234.444
- Thay đổi chi phí trả trước	12	5.843.880.342	(2.694.829.647)
- Lãi vay đã trả	13	-	(366.564.906)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.594.512.035)	(5.438.513.083)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	554.447.656	738.001.788
- Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(1.967.775.817)	(1.920.808.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.768.354.882	62.252.299.895
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.215.545.000)	(892.406.332)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	176.619.782	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.659.733.617	1.550.628.536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.379.191.601)	658.222.204
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	72.906.502.095
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(86.094.082.346)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(7.625.648.180)	(8.296.468.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.625.648.180)	(21.484.048.601)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	37.763.515.101	41.426.473.498
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.506.879.957	42.139.103.190
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	116.270.395.058	83.565.576.688

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Thông tin bổ sung cho khoản phi tiền tệ:

Trong kỳ, khoản cổ tức phải trả cho Công ty mẹ được bù trừ với khoản phải thu với tổng số tiền là 10.681.967.000 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 10.681.967.000 VND). Theo đó, nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến biến động của tiền và một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần cổ tức đã trả cho các cổ đông và thay đổi các khoản phải thu.



Trần Ngọc Minh
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 8 năm 2014



Phùng Sỹ Hữu
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA

152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 ngày 24 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là THB.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 640 (31 tháng 12 năm 2013: 640).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư;
- Cho thuê kho, sân bãi;
- Bán buôn thực phẩm;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Sản xuất công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; sản xuất bia các loại, nước uống có gas, rượu vang đóng chai và đóng hộp, đá cây; sản xuất các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết;
- Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của công ty con. Tại báo cáo tài chính riêng này, khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc. Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải	4 - 12
Dụng cụ quản lý	4 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dụng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	412.743.984	216.234.205
Tiền gửi ngân hàng	26.818.335.915	8.099.774.374
Các khoản tương đương tiền (*)	89.039.315.160	70.190.871.378
	<u>116.270.395.059</u>	<u>78.506.879.957</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu tiền chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn (*)	1.159.348.481	1.159.348.481
Phải thu Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa	18.068.770.250	15.288.777.500
Phải thu khác	2.219.378.326	1.849.564.388
	<u>21.447.497.057</u>	<u>18.297.690.369</u>

(*) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn do Công ty đã chi trả. Ban Giám đốc đánh giá một cách thận trọng và xác định rằng chi phí này sẽ được thu hồi trong tương lai, và ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là không trọng yếu.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.647.903.107	17.516.480.352
Công cụ, dụng cụ	143.952.169	146.028.769
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.296.238.344	14.166.797.200
Thành phẩm	1.635.952.970	3.814.919.719
	<u>35.724.046.590</u>	<u>35.644.226.040</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	59.320.563.251	411.996.460.674	8.338.896.363	413.808.165	480.069.728.453
Tăng do mua sắm	-	2.487.745.000	727.800.000	-	3.215.545.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(322.528.800)	-	-	(322.528.800)
Tại ngày 30/6/2014	59.320.563.251	414.161.676.874	9.066.696.363	413.808.165	482.962.744.653
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	28.375.325.845	291.115.141.835	7.014.332.954	382.738.468	326.887.539.102
Khấu hao trong kỳ	1.730.319.682	10.588.009.965	478.447.900	9.972.424	12.806.749.971
Thanh lý, nhượng bán	-	(322.528.800)	-	-	(322.528.800)
Tại ngày 30/6/2014	30.105.645.527	301.380.623.000	7.492.780.854	392.710.892	339.371.760.273
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	29.214.917.724	112.781.053.874	1.573.915.509	21.097.273	143.590.984.380
Tại ngày 31/12/2013	30.945.237.406	120.881.318.839	1.324.563.409	31.069.697	153.182.189.351

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 189.632.286.885 VND (31 tháng 12 năm 2013: 187.600.135.135 VND).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	3.752.531.000	2.096.380.447	5.848.911.447
Tại ngày 30/6/2014	3.752.531.000	2.096.380.447	5.848.911.447
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	478.354.336	1.833.201.607	2.311.555.943
Khấu hao trong kỳ	37.525.310	41.953.586	79.478.896
Tại ngày 30/6/2014	515.879.646	1.875.155.193	2.391.034.839
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	3.236.651.354	221.225.254	3.457.876.608
Tại ngày 31/12/2013	3.274.176.664	263.178.840	3.537.355.504

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa	Thanh Hóa	100%	100% Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.479.173.065	2.385.037.895
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.487.215.481	18.016.682.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.569.145.765	3.121.878.381
Thuế tài nguyên	953.806	-
Thuế thu nhập cá nhân	348.516.488	14.998.900
	<u>40.885.004.605</u>	<u>23.538.597.283</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là giá trị hệ thống tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải của tổ chức NEDO theo chương trình viện trợ không hoàn lại (Dự án CDM - Sản xuất sạch). Tài sản này đã được thẩm định giá trị khi xác định giá trị doanh nghiệp Nhà nước để cổ phần hóa và được Bộ Tài chính giao cho Công ty quản lý và sử dụng mà không ghi tăng vốn điều lệ.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	210.895.978	-
Bảo hiểm xã hội	564.295.214	739.564.316
Phải trả, phải nộp khác	27.805.690.579	22.894.099.611
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)</i>	796.003.662	796.003.662
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)</i>	4.502.356.991	4.502.356.991
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển tỉnh Thanh Hóa) (*)</i>	726.984.367	726.984.367
<i>Phải trả tiền cược chài kết</i>	17.600.301.690	14.820.308.940
<i>Cổ tức phải trả</i>	1.412.949.100	414.402.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	2.767.094.769	1.634.043.651
	<u>28.580.881.771</u>	<u>23.633.663.927</u>

(*) Thể hiện chi phí lãi vay phải trả phát sinh khi sáp nhập Công ty Hara Thanh Hóa (trước đây là Xi nghiệp nước giải khát Hara) vào Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Bia Thanh Hóa).

13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa	10.000.000.000	10.000.000.000
- Các đối tượng khác	466.241.348	466.241.348
	<u>10.466.241.348</u>	<u>10.466.241.348</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA

152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	114.245.700.000	4.078.650.000	54.701.809.756	5.788.935.865	32.010.398.763	210.825.494.384
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	29.941.382.986	29.941.382.986
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.815.270.053	1.424.279.000	(8.663.828.053)	(1.424.279.000)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(19.421.769.000)	(19.421.769.000)
Thường ban điều hành	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2014	114.245.700.000	4.078.650.000	60.517.079.809	7.213.214.865	33.466.184.696	219.520.829.370
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	14.365.381.213	14.365.381.213
Phân phối lợi nhuận	-	-	10.150.277.398	1.697.069.149	(13.544.415.696)	(1.697.069.149)
Trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(19.421.769.000)	(19.421.769.000)
Thường ban điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2014	114.245.700.000	4.078.650.000	70.667.357.207	8.910.284.014	14.365.381.213	212.267.372.434

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 114.245.700.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Vốn thực góp đến ngày 30/6/2014		
Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
6.283.510	55%	62.835.100.000
5.141.060	45%	51.410.600.000
11.424.570	100%	114.245.700.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
Các cổ đông khác

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ tức và các quỹ**

Theo Nghị quyết số 119/NQ-ĐHĐCĐ-THB ngày 02 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013 như sau:

- Chia cổ tức theo tỷ lệ 17% vốn điều lệ với giá trị: 19.421.769.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10.150.277.398 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế 2013): 1.697.069.149 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế 2013): 1.697.069.149 VND

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức theo đúng Nghị quyết trên.

Cổ phiếu

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	11.424.570	11.424.570

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. DOANH THU

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u> VND	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u> VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	308.447.909.202	292.252.265.694
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.122.583.101	2.094.628.907
	<u>311.570.492.303</u>	<u>294.346.894.601</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	110.192.109.614	105.967.589.564
Hàng bán bị trả lại	5.980.908	-
	<u>110.198.090.522</u>	<u>105.967.589.564</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>201.372.401.781</u>	<u>188.379.305.037</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u> VND	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u> VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	158.130.153.417	148.937.653.786
	<u>158.130.153.417</u>	<u>148.937.653.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.792.697.456	110.167.323.168
Chi phí nhân công	23.871.381.711	26.902.745.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.661.158.569	14.009.254.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.092.676.202	9.322.203.284
Chi phí khác	17.673.057.968	11.259.429.049
	185.090.971.906	171.660.954.973

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.953.674.975	1.444.511.312
Cổ tức	35.436.000	121.063.000
	1.989.110.975	1.565.574.312

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	18.407.160.632	18.130.196.515
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	35.436.000	121.063.000
Thu nhập chịu thuế	18.371.724.632	18.009.133.515
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.041.779.419	4.502.283.379

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 22% cho các năm 2014, 2015 và giảm xuống còn 20% từ năm 2016.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	14.365.381.212	13.627.913.136
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	11.424.570	11.424.570
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.257	1.193

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Công ty không có khoản vay nào tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.270.395.059	78.506.879.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.790.060.664	27.370.366.798
Đầu tư dài hạn	301.206.000	301.206.000
Tổng cộng	144.361.661.723	106.178.452.755
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	53.461.204.091	36.071.355.574
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.466.241.348	10.466.241.348
Tổng cộng	63.927.445.439	46.537.596.922

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu đến từ các bên liên quan như đã trình bày ở Thuyết minh số 22 và được Ban Giám đốc đánh giá có chất lượng tín dụng cao.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.270.395.059	-	116.270.395.059
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.790.060.664	-	27.790.060.664
Đầu tư dài hạn	-	301.206.000	301.206.000
Tổng cộng	144.060.455.723	301.206.000	144.361.661.723
Phải trả người bán và phải trả khác	53.461.204.091	-	53.461.204.091
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	10.466.241.348	10.466.241.348
Tổng cộng	53.461.204.091	10.466.241.348	63.927.445.439
Chênh lệch thanh khoản thuần	90.599.251.632	(10.165.035.348)	80.434.216.284

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.506.879.957	-	78.506.879.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.370.366.798	-	27.370.366.798
Đầu tư dài hạn	-	301.206.000	301.206.000
Tổng cộng	105.877.246.755	301.206.000	106.178.452.755
Phải trả người bán và phải trả khác	36.071.355.574	-	36.071.355.574
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	10.466.241.348	10.466.241.348
Tổng cộng	36.071.355.574	10.466.241.348	46.537.596.922
Chênh lệch thanh khoản thuần	69.805.891.181	(10.165.035.348)	59.640.855.833

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan trong kỳ:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên doanh của Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội		
- Mua nguyên vật liệu	45.729.759.295	34.918.132.200
- Bán thành phẩm	144.380.199.851	128.674.317.840
- Chia cổ tức	10.681.967.000	10.681.967.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)		
- Bán thành phẩm	157.735.758.725	155.154.637.710
- Cung cấp điện, nước	55.537.920	48.839.920
- Nhận cổ tức	-	85.627.000
- Giá trị chai, két	68.105.522.000	62.078.012.500
- Nhận ký quỹ	-	7.200.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Hà Nội		
- Cho thuê kho bãi	332.792.728	332.792.728
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát		
- Mua nắp chai	4.563.743.520	5.177.730.000
- Nhận cổ tức	35.436.000	35.436.000
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng		
- Mua công cụ, dụng cụ	1.547.784.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	4.759.010.851	6.115.033.881
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)	1.223.325.755	2.631.746.547
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Hà Nội	183.036.000	207.624.201
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	96.900.000	96.900.000
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	1.702.562.400	1.834.945.200
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)	18.068.770.250	15.288.777.500
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	1.377.200.000	623.975.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)	10.000.000.000	10.000.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u>
	<u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.147.605.600	1.575.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.201.293.641	(10.708.021.224)	(5.506.727.583)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	38.090.892.798	6.127.341.646	44.218.234.444
Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.593.367.628)	(101.462.019)	(2.694.829.647)
Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	7.400.000.000	(6.661.998.212)	738.001.788
Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(2.263.475.166)	342.667.159	(1.920.808.007)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(19.297.941.000)	11.001.472.650	(8.296.468.350)



Trần Ngọc Minh
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 8 năm 2014



Phùng Sỹ Hữu
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng
Giám đốc